

Bản án số: 08/2020/DS-PT

Ngày: 28-5-2020

*V/v Tranh chấp về thừa kế
tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tử Lượng

Các Thẩm phán: Ông Tạ Văn Vinh và ông Đinh Huy Lưỡng

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Len – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình: Bà Đinh Thị Nga – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2020 và ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 về Tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DSST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2020, giữa các Đ sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Quốc Đ sinh năm 1960;

- Bà Trần Thị H sinh năm 1966;

Cùng trú tại địa chỉ: Số nhà TA, tổ H, phố Ph, thị trấn Ph1, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị V sinh năm 1957;

- Ông Hoàng Văn Ch sinh năm 1950;

Cùng trú tại địa chỉ: Xóm BC, xã Vh, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Nguyễn Thị Phong Nh sinh năm 1964; Địa chỉ: Xóm Đ, xã Vh, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V, bà Nh, ông Ch: Ông Phạm Trung K – Luật sư Văn phòng luật sư Tr thuộc Đoàn luật sư tỉnh Ninh Bình; Địa chỉ: Số 234, đường L, pHg Đông Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị L sinh năm 1950; Địa chỉ: Số nhà 702 CT, pHg V, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

- Bà Nguyễn Thị Tr sinh năm 1953; Địa chỉ: Xóm N, xã C, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Nguyễn Thị Th sinh năm 1955; Địa chỉ: SN 15, phố P, thị trấn Ph1, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Nguyễn Thị Tr1 sinh năm 1969; Địa chỉ: Xóm N, xã Ng, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Bà Nguyễn Thị Ph (Nguyễn Lan Ph) sinh năm 1969; Địa chỉ: Xóm H, xã H, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

- Chị Nguyễn Thị O sinh năm 1972; Địa chỉ: Xóm MB, xã K, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

- Anh Nguyễn Văn H1 sinh năm 1974; Địa chỉ: Xóm Đ, xã Vh, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

- Chị Nguyễn Thị H2 sinh năm 1976; Địa chỉ: Xóm BC, xã Vh, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

- Chị Nguyễn Thị H3 sinh năm 1977; Địa chỉ: SN 5, đường H, phố B, pHg Nam Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Chị Nguyễn Thị H4 sinh năm 1983; Địa chỉ: SN 2, đường H, phố B, pHg Nam Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Anh Nguyễn Văn H5 sinh năm 1990; Địa chỉ: Xóm Đ, xã Vh, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của bà Tr, bà Th, bà Tr1, bà Ph, chị H2, chị H3, chị H4 và anh H5: Ông Nguyễn Quốc Đ sinh năm 1960 và bà Trần Thị H sinh năm 1966; Cùng trú tại địa chỉ: Số nhà TA, tổ 2, phố Ph, thị trấn Ph1, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 09/5/2019, ngày 10/8/2019, ngày 10/5/2019).

- Ủy ban nhân dân xã Vh; Địa chỉ: Xã Vh, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình;
Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Minh D - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Vh là người đại diện theo pháp luật.

4. Người làm chứng:

- Ông Phạm Văn H6 sinh năm 1962;

- Bà Dương Thị Th1 sinh năm 1973;

Cùng trú tại địa chỉ: Xóm N, xã Th, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

- Anh Trần Văn H7 sinh năm 1973;

- Chị Nguyễn Thị Hạnh sinh năm 1974;
Cùng trú tại địa chỉ: Xóm Tr, xã Vh, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.
- Anh Bùi Văn A sinh năm 1972;
- Chị Phạm Thị L1 sinh năm 1979;
Cùng trú tại địa chỉ: Xóm Đ, xã Vh, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.
- Ông Đậu Mạnh Đ1 sinh năm 1961; Địa chỉ: Xóm B, xã Đ, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.
- Ông Vũ Văn B sinh năm 1968; Địa chỉ: Xóm BC, xã Vh, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.
- Bà Lê Thị Th2 sinh năm 1946; Địa chỉ: Xóm Đ, xã Vh, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

5. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Phong Nh, ông Hoàng Văn Ch là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Quốc Đ, bà Trần Thị H là nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của bà Tr, bà Th, bà Tr1, bà Ph, chị H2, chị H3, chị H4 và anh H5 trình bày: Cụ Nguyễn Xuân Q (sinh năm 1927, chết ngày 20/8/2018) và cụ Vũ Thị Hg (sinh năm 1928, chết ngày 26/3/2019) có 9 người con chung là ông Nguyễn Văn H9 (chết năm 1990), bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Tr, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Quốc Đ, bà Nguyễn Thị Phong Nh, bà Nguyễn Thị Tr1 và bà Nguyễn Thị Ph. Ông H9 có 6 người con là chị Nguyễn Thị O, anh Nguyễn Văn H1, chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị H3, chị Nguyễn Thị H4 và anh Nguyễn Văn H5.

Trước khi chết, ngày 12/6/2018 cụ Q và cụ Hg lập di chúc để lại toàn bộ khối tài sản thuộc quyền sở hữu của vợ chồng cho vợ chồng con trai là ông Đ, bà H gồm:

- Nhà hai tầng kiên cố, diện tích 50m² ở cạnh chợ Vh (Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng có biên lai thu tiền đất của UBND xã Vh)
- Nhà bên trong chợ khoảng 24m², đất là đất tái định cư.
- Thửa đất số 552, tờ bản đồ 1a bản đồ xã Vh, diện tích 110m². (GCNQSD đất số AI 677119 ngày 23/8/2007 đứng tên ông Nguyễn Xuân Q)
- Thửa đất số 553, tờ bản đồ 1a bản đồ xã Vh, diện tích 110m². (GCNQSD đất số AI 677120 ngày 23/8/2007 đứng tên ông Nguyễn Xuân Q)
- 20.000.000 đồng ông Hoàng Văn Ch vay.
- 69 chỉ vàng (9999).

Hiện tại nhà hai tầng, nhà trong chợ và hai thửa đất số 552, 553 do vợ chồng bà V, ông Ch quản lý; Khoản nợ 20.000.000 đồng ông Ch quản lý; 69 chỉ vàng bà Nh quản lý. Ông Đ bà H đã yêu cầu thực hiện di nguyện của bố mẹ theo di chúc

nhưng bà V, ông Ch và bà Nh không thực hiện. Ông Đ, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế số tài sản nêu trên của cụ Q, cụ Hg để lại theo di chúc.

Ngày 12/8/2019 ông Đ, bà H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chia thừa kế các tài sản nêu trên, riêng quyền sử dụng đất có nhà hai tầng bên cạnh chợ Vh và quyền sử dụng đất có nhà ở trong chợ Vh không yêu cầu Tòa án giải quyết (Lý do đất có nhà 2 tầng sát công chợ Vh và đất có gian quán bán hàng trong chợ Vh chưa được cấp GCNQSDĐ và còn có tranh chấp về quyền sử dụng đất với UBND xã Vh).

Tại Bản tường trình ngày 20/5/2019, Bản tường trình ngày 19/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Phong Nh và ông Hoàng Văn Ch cùng trình bày: Về quan hệ gia đình, quan hệ huyết thống bà V, bà Nh, ông Ch trình bày phù hợp với lời khai của nguyên đơn.

Bà V, bà Nh, ông Ch không có ý kiến gì về tính pháp lý đơn xin lập di chúc của cụ Q, cụ Hg nhưng đề nghị Tòa án xem xét hai vấn đề, đó là: Thẩm tra lại tính xác thực chữ ký của cụ Q, cụ Hg vì chữ ký của cụ Q khi còn ở Vh không giống với chữ ký trong bản di chúc; Đề nghị làm rõ tính xác thực của nội dung *“Trong trạng thái hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt không bị lừa dối, không bị đe dọa, không bị cưỡng ép”* trong đơn xin lập di chúc của hai cụ.

Đối với căn nhà 02 tầng ở cạnh chợ Vh, nguồn gốc là quán bán hàng có diện tích khoảng 14m² do cụ Hg và bà V xây dựng từ trước năm 1993. Năm 1995-1996 gia đình bà V xây lại bằng gạch lợp Pro, đến năm 1999-2000 xây lại lần thứ 2. Gia đình bà V sử dụng quán đó để bán thuốc từ năm 1993 đến năm 2005 thì cụ Q, cụ Hg về quê ở cùng với vợ chồng bà V. Năm 2010 cụ Q và cụ Hg xây lại thành nhà hai tầng như hiện nay. Hai cụ đã giao toàn quyền cho vợ chồng bà V trong việc mua vật liệu, thuê thợ xây dựng nhà. Vợ chồng ông Đ không có đóng góp, giúp đỡ về tiền bạc cũng như công sức mà chỉ có vợ chồng bà V giúp các cụ xây dựng nhà, vì vậy các cụ đã cho vợ chồng bà V 01 cây vàng. Nay hai cụ đã chết, bà V là con nên có toàn quyền ở nhà của bố mẹ. Tại phiên tòa sơ thẩm bà V xác định: *“Căn nhà hai tầng là tài sản của bố mẹ tôi; việc sửa chữa xây dựng thêm và mua sắm các thiết bị sinh hoạt trong nhà như điều hòa, bếp từ, quạt trần ... được mua sắm từ tiền chi phí cho bố mẹ”*.

Đối với quán trong chợ: Khi thành lập chợ, cụ Q và cụ Hg được chia 01 nền quán khoảng 15m², chính quyền xã yêu cầu các gia đình phải xây dựng ngay để đưa chợ vào hoạt động, gia đình nào không xây thì xã sẽ lấy ra giao cho người khác; Vì vậy cụ Hg đã cho bà V xây làm chỗ bán hàng. Gia đình bà V đã mua vật liệu về để xây dựng quán, sau đó sửa chữa 4 lần và sử dụng ổn định không có tranh chấp gì. Ngoài ra tại biên bản hòa giải ngày 12/8/2019 bà V còn xác định: *Quán ở trong chợ hai cụ đã cho bà V, sau đó hai cụ bán cho chị H2 (là cháu nội), sau khi*

bán một thời gian chị H2 trả lại thì quán đó vẫn là của bà V vì nếu chị H2 sử dụng thì hai cụ sẽ bù cho bà V chỗ khác.

Đối với thửa đất số 552 và thửa đất 553: Năm 2007 cụ Q và cụ Hg đầu giá được 04 xuất đất ở đường ngang Đông Hải, ngày 23/8/2007 được cấp GCNQSDĐ (Trong đó có thửa số 552 và thửa 553). Ngày 25/12/2014 cụ Q và cụ Hg ủy quyền cho 07 người con gái có quyền quyết định bán 04 xuất đất để lấy tiền chi tiêu nuôi dưỡng bố mẹ. Sau đó, hai cụ đã cho và làm thủ tục sang tên cho cháu H1 là cháu đích tôn 01 xuất; Còn lại 03 xuất, do một số chị em ở xa không có điều kiện tập chung nên thống nhất giao cho bà V toàn quyền rao bán. Bà V bán 03 xuất được 370.000.000đ, tiền bán đất đã giao cho bà Nh, bà Ph, bà Tr1 giữ để chi tiêu cho hai cụ (Thực tế trong số tiền bán đất ông Đ, bà H hưởng lợi 41.000.000đ gồm bà Tr1 đưa 15.000.000đ tiền mặt, 01 ti vi Samsung 49 inh giá 20.000.000đ, 01 bếp sườn mùa đông, 01 máy mát sa khoảng 6.000.000đ đều mua từ tiền bán đất hiện ông Đ, bà H đang sử dụng). Trong 03 xuất đất nêu trên có 01 xuất bán được 130.000.000đ và đã làm xong thủ tục chuyển quyền cho người mua; Còn 02 xuất là thửa 552, thửa 553 hai cụ đã ký hồ sơ nhưng do thay đổi mẫu nên phải làm lại. Năm 2018 khi bà V đưa hai người mua đất và cán bộ địa chính mang hồ sơ lên cho các cụ ký thì ông Đ, bà H và con trai đe đánh, đuổi ra khỏi nhà không cho gặp các cụ để ký nên không bán được. Do cần tiền chi tiêu cho bố mẹ nên bà V đã chạy tiền bỏ ra 240.000.000đ tương Đ với hai xuất đất lúc bấy giờ để giao cho bà Ph, bà Nh chi tiêu chăm sóc hai cụ rồi gọi người bán đất sau (BL 265).

Đối với số tiền 20.000.000đ ông Ch vay của cụ Q: Ông Ch đã trả thông qua bà Ph và bà Tr1, thể hiện tại giấy xác nhận đề ngày 21/3/2018. Số tiền ông Ch trả nợ đã sử dụng thanh toán cho bà Nh 10.000.000đ tiền bà Nh đã bỏ ra chi phí cho bố mẹ, còn 10.000.000đ trả cho cụ Q thông qua ông Đ nhưng ông Đ không nhận nên đưa cho bà Nh nhập quỹ để chi tiêu cho hai cụ.

Đối với 69 chỉ vàng: Đây là số vàng bà Tr1 còn nợ hai cụ, ngày 20/4/2015 bà Nh có ký nhận giữ hộ hai cụ 69 chỉ vàng, nhưng trên sổ sách (sổ cũ) xác nhận bà Tr1, bà Ph chi tiêu trước đó cho hai cụ hết 45 chỉ, sau khi quyết toán bà Ph giao lại cho bà Nh 24 chỉ. Lý do bà Nh chỉ nhận 24 chỉ mà lại ký nhận giữ hộ bố mẹ 69 chỉ là vì chị em gái với nhau nên bà Nh ký với mục đích để cho hai cụ vui lòng, vì hai cụ vẫn nói bà Tr1 cầm tiền - vàng tiêu hoang. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nh lại trình bày trong 69 chỉ vàng bà Nh giữ hộ cho bố mẹ, cụ Q đã chi tiêu 45 chỉ vào thời gian từ năm 2015 về trước, còn 24 chỉ bà Tr1, bà Ph bàn giao cho bà Nh chi tiêu.

Sau khi kết thúc việc chi tiêu cho hai cụ bà Nh, bà V, bà Tr1, bà Ph đã chốt sổ: Tổng tiền, vàng bà Nh quản lý là 24 chỉ x 2.900.000đ = 69.600.000đ + tiền bán đất 320.000.000đ = 389.600.000đ; Tổng số tiền bà Nh đã chi tiêu là 398.747.000đ; Còn âm của bà Nh 9.147.000đ.

Bà V, ông Ch, bà Nh khẳng định: Đối với 2 thửa đất được sự nhất trí của hai cụ nên chị em đã bán đi để chi tiêu cho hai cụ. Đối với số tiền 20.000.000đ ông Ch đã trả cho hai cụ thông qua bà Tr1, bà Ph (10.000.000đ trả cho bà Nh do bà Nh đã chi tiêu âm, 10.000.000đ trả cho cụ Q thông qua ông Đ nhưng ông Đ không nhận nên bà Ph, bà Tr1 đã chuyển cho bà Nh). Đối với nhà 2 tầng tiền bỏ ra xây nhà là của hai cụ nhưng công sức trông coi, quản lý công trình là của vợ chồng bà V còn đất là của UBND xã Vh quản lý. Đối với nhà trong chợ đất là của UBND xã Vh còn tiền làm nhà và công sức là của vợ chồng bà V. Đối với 69 chỉ vàng, trước đây bà Nh có ký nhận với hai cụ nhưng đã chi tiêu hết. Còn lại một số Tr1 sức như nhẫn, giấy, lắc khi các cụ lên ở cùng ông Đ thì ngày 18/4/2017 ông Đ đã đưa cụ Q cùng các bà Th, Ph, Tr1 về lấy nốt và đã xác nhận bà Nh không còn nợ các cụ. Hiện tại không còn di sản để chia, do đó không nhất trí yêu cầu chia di sản thừa kế của vợ chồng ông Đ.

Tại Bản tự khai ngày 14/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà L nhất trí, ủng hộ ý chí của hai cụ để lại di sản là nhà đất, tiền mặt, vàng cho ông Đ, bà H cụ thể:

Nhà hai tầng cạnh chợ Vh giáp đường 481 được xây dựng năm 2010 bằng tiền của cụ Q, cụ Hg gồm cả các Tr1 thiết bị trong nhà. Bà L là kế toán giúp hai cụ thu chi tài chính từ lúc khởi công cho đến khi hoàn thành (có sổ sách ghi chép). Ông Ch là con rể giúp trông coi công trình được hai cụ trả công bằng 10 chỉ vàng.

Nhà phía trong chợ mái lợp Prô, giáp nhà ông Hoạt là các cụ được xã cấp tái định cư khi Nhà nước giải tỏa nhà cửa hàng mua của xã.

Ngày 25/12/2014 cụ Q có ủy quyền cho các con gái sau này cần thiết bán hộ cho bố mẹ 04 thửa đất (AI 677121, 677119, 677120, 677124) để lấy tiền Tr1 trả lo cho tuổi già nhưng các cụ vẫn còn minh mẫn nên việc chuyển nhượng, tặng cho vẫn do các cụ quyết định.

Ngày 20/4/2015 cụ Q sai bà L tìm bà Nh đến nhà ở xã Vh để xác nhận lại một lần nữa về số vàng bà Nh đang giữ hộ là 69 chỉ vàng. Bà Nh đã ký xác nhận vào sổ của cụ Q, cụ Hg trước mặt bà L và nói khi nào bố mẹ cần thì bà Nh sẽ giao lại ngay. Trong số vàng 69 chỉ bà Nh ký nhận ngày 20/4/2015, trước đó có 9 chỉ của cụ Hg và cộng thêm 60 chỉ do chốt sổ trước đó, sau khi chốt sổ xác định bà Nh nhận giữ hộ cho bố mẹ 69 chỉ (Bà Nh ghi số nợ mới và gạch số nợ cũ trong sổ nợ). Tính đến tháng 10/2015 số vàng này vẫn còn nguyên chưa chi tiêu gì.

Tại Bản tự khai ngày 25/6/2019 bà Nguyễn Thị Ph trình bày: Bà không nhất trí với đơn khởi kiện của ông Đ, bà H trong việc đòi chia thừa kế theo di chúc vì nội dung đơn không đúng sự thật. Căn nhà 2 tầng và quán trong chợ bà V quản lý sử dụng là do công sức của vợ chồng bà V cùng với cụ Q, cụ Hg xây dựng lên.

Trong thời gian vợ chồng bà V nuôi dưỡng, chăm sóc cụ Q, cụ Hg thì hai cụ đã cho bà V. Đối với thửa đất 552 và thửa 553, trong thời gian cụ Q, cụ Hg chung

sống cùng đã cho bà V bán được hơn 200.000.000đ để chi tiêu cho các cụ, vì vậy 2 thửa đất này cũng không còn để chia thừa kế.

Đối với 69 chỉ vàng bà Nh quản lý thì bà Nh đã chi tiêu cho bố mẹ, chỉ còn một số vàng Tr1 sức của bố mẹ để lại thì vợ chồng ông Đ cũng lấy hết và đã ký nhận.

Số tiền 20 triệu ông Ch vay của bố mẹ cũng được ông Ch trả bằng hình thức nộp cho bà Nh chi tiêu cho bố mẹ. Vì lý do trên bà cho rằng những tài sản mà vợ chồng ông Đ đòi chia thừa kế là không đúng, đồng thời di chúc mà vợ chồng ông Đ bà H đưa ra làm căn cứ chia thừa kế là giả mạo vì chữ ký trong di chúc không phải là chữ ký của bố mẹ bà.

Ngoài ra bà Ph còn trình bày: Trường hợp phải chia thừa kế thì bà đề nghị chia số tiền, vàng Tr1 sức trị giá khoảng 01 tỷ đồng mà vợ chồng ông Đ đang quản lý. Tại Giấy xác nhận ngày 13/8/2019 bà Ph xác định lại, số tiền gần 01 tỷ bà trình bày trong bản khai ngày 25/6/2019 là tiền để ông Đ, bà H chăm sóc bố mẹ trong gần 2 năm và đã làm tang ma, lo việc xây mồ mả cho bố mẹ sau này nên không còn, bà Ph không yêu cầu chia số tiền này. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Ph xác nhận trong số vàng 69 chỉ bà Nh giữ hộ cho bố mẹ, thì cụ Q đã chi tiêu hết 45 chỉ vào thời gian từ năm 2015 về trước, còn 24 chỉ bà Tr1, bà Ph bàn giao cho bà Nh chi tiêu.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/8/2019 bà Nguyễn Thị Tr1 trình bày: Tháng 10/2011 bà Tr1 có vay của cụ Q, cụ Hg 180 chỉ vàng 9999, đến năm 2013 - 2014 khi hai cụ bị ốm đi viện, bà Tr1 đã trả dần và chỉ còn nợ lại 69 chỉ vàng, đến tháng 4/2015 bà Tr1 bàn giao 69 chỉ cho bà Ph quản lý để chi tiêu cho hai cụ.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2019 anh Nguyễn Văn H1 trình bày: Bố anh H1 là ông Nguyễn Văn H9 đã chết năm 1990 là con trai của cụ Q, cụ Hg. Khi còn sống cụ Q, cụ Hg có tặng cho con trai anh thửa đất số 551 diện tích 110m² tại xã Vh, do con anh bị câm, điếc nên giấy chứng nhận QSDĐ cấp năm 2016 đứng tên anh H1. Sau khi hai cụ chết có để lại di chúc và tài sản gì thì anh không biết. Anh H1 nhất trí việc ông Đ lấy lại quán bán hàng ở cạnh chợ Vh để làm nơi thờ cúng ông bà nội và để con cháu lấy chỗ đi về, còn những vấn đề khác anh không có ý kiến gì, không liên quan đến việc chia di sản thừa kế, không đề nghị được chia thừa kế.

Tại Bản tự khai ngày 12/8/2019 chị Nguyễn Thị O trình bày: Chị là cháu nội của cụ Q, cụ Hg. Chị O không biết hai cụ có để lại di sản, di chúc hay không. Bố chị đã chết, các cô, các chú tranh chấp chia thừa kế chị không ủng hộ bên nào, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/8/2019 chị Nguyễn Thị H2 trình bày: Chị H2 là cháu nội của cụ Q, cụ Hg. Vào khoảng năm 1995 – 1996 chị H2 được ông bà

nội bán cho chiếc quán bán hàng trong chợ Vh với giá 4 chỉ vàng, sau một thời gian sử dụng do chật chội nên chị H2 đã trả lại cho ông bà nội và nhận lại 4 chỉ vàng.

Tại Báo cáo số 74 ngày 08/8/2019 của UBND xã Vh: Căn cứ hồ sơ địa chính xã Vh lập năm 1984, 1996, 2012 xác định vị trí đất có nhà đang tranh chấp giữa các Đ sự một phần là đất chợ Vh, một phần là đất quy hoạch để nâng cấp đường tỉnh 481 thành Quốc lộ. UBND xã Vh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án dựa trên cơ sở pháp lý là hồ sơ địa chính xã Vh đang quản lý. Tại văn bản số 19/BC-UBND ngày 19/5/2020 UBND xã Vh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và một lần nữa xác định phần đất có nhà 2 tầng sát chợ Vh và phần đất có quán bán hàng trong khu vực chợ Vh hiện đang có tranh chấp giữa vợ chồng ông Đ với vợ chồng bà V là đất do UBND xã quản lý, còn căn nhà hai tầng và gian quán bán hàng do ai trong gia đình ông Q (Vợ chồng ông Q hay vợ chồng người con nào) bỏ tiền ra xây dựng thì địa Ph không nắm được cụ thể.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng ông Phạm Văn H6, bà Dương Thị Th1 trình bày: Ông H6, bà Th1 không có quan hệ hay quen biết gì với cụ Q, cụ Hg, ông Đ, bà H. Buổi chiều ngày 12/6/2018 vợ chồng ông H6 đến cửa hàng vàng bạc Đ-H ở số nhà TA, tổ 2, phố Ph để mua vàng. Trong thời gian này thì cụ Q, cụ Hg (sau đó mới biết tên) có mời vợ chồng ông H6 vào làm chứng trong tờ đơn lập di chúc. Vợ chồng ông H6 đã ngồi là chứng và cụ Q có hỏi mượn vợ chồng ông H6 chứng minh nhân dân để đi đánh máy bản di chúc. Vợ chồng ông H6 đã trực tiếp cầm chứng minh thư và văn bản của cụ Q đưa đi đánh máy vi tính. Sau khi đánh máy vi tính xong vợ chồng ông H6 về giao lại cho cụ Q, cụ Q xem xong thì mọi người cùng ký vào tờ đơn di chúc. Tất cả những người ký tên vào bản di chúc đều mình miễn, mọi người đều tự nguyện ký vào văn bản, không có ai ép buộc. Chữ viết H6, Th1 trong Tr1 1-3 và chữ ký ở Tr1 5 trong bản di chúc là chữ của vợ chồng ông H6.

Tại Giấy xác nhận ngày 19/8/2019, Biên bản lấy lời khai ngày 21/8/2019: Ông Đậu Minh Đ1 trình bày: Năm 2006 ông Đ1 cùng anh em thợ được cụ Q, cụ Hg thuê đập bỏ nhà cũ, xây mới một căn nhà 17m² lợp Prô xi măng ở trong chợ Vh. Tiền công thợ và tiền vật liệu do cụ Q thanh toán.

Tại Giấy xác nhận ngày 13/8/2009, Biên bản lấy lời khai ngày 21/8/2019 anh Bùi Q B trình bày: Từ năm 2011 - 2013 anh B có mượn bác họ là ông Nguyễn Xuân Q căn nhà 17m² trong chợ Vh để làm kho chứa hoa quả.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/8/2019 bà Lê Thị Th2 trình bày: Từ năm 1988-1995 bà Th2 là Đội trưởng đội sản xuất của thôn Đ. Bà Th2 được biết UBND xã Vh có giao cho vợ chồng cụ Q mảnh đất trong chợ Vh. Do trước đó hai cụ làm nhà ở mé sông, sau đó ủy ban quy hoạch chợ, hai cụ được giao đất trong chợ để làm quán bán hàng tạp hóa và có thu 300.000đ lệ phí.

Theo chứng thư thẩm định giá ngày 12/9/2019 Công ty cổ phần thẩm định giá Gia Linh xác định giá trị quyền sử dụng thửa đất 552 và thửa đất 553 đều có diện tích 110m² có tổng giá trị là 709.839.900đ; Nhà 2 tầng cạnh chợ Vh giá trị 128.247.736đ; Nhà tạm trong chợ Vh giá trị 5.973.794đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn quyết định:

Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Quốc Đ bà Trần Thị H về việc không đề nghị giải quyết đối với một số di sản ghi trong di chúc gồm sổ vàng bán nhà cũ của ông Đ cho bà L, sổ vàng Tr1 sức và tiền mặt còn lại của bố mẹ cũng như sổ vàng 10 chỉ bà Tr đang nợ của bố mẹ và không đề nghị giải quyết đối với quyền sử dụng đất của hai căn nhà ở chợ Vh.

Chấp nhận một phần yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc của vợ chồng ông Nguyễn Quốc Đ, bà Trần Thị H đối với vợ chồng bà Nguyễn Thị V, ông Hoàng Văn Ch và bà Nguyễn Thị Phong Nh.

Công nhận di chúc của các cụ Nguyễn Xuân Q, Vũ Thị Hg lập ngày 12/6/2018 là di chúc hợp pháp có hiệu lực một phần.

Chia và giao cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc Đ, bà Trần Thị H được sở hữu, sử dụng di sản do các cụ Nguyễn Xuân Q, Vũ Thị Hg để lại bao gồm: Quyền sử dụng các thửa đất số 552 và 553, thuộc tờ bản đồ số 1A, xã Vh có diện tích mỗi thửa là 110m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Xuân Q; Được quyền sử dụng căn nhà hai tầng sát phía Nam cổng chợ xã Vh và gian quán bán hàng trong chợ xã Vh, có vị trí phía Đông, Tây và Nam sát với đất của gia đình ông Hoạt, phía Bắc sát chợ xã Vh (Toàn bộ hai thửa đất và giấy chứng nhận QSDĐ của hai thửa đất và hai căn nhà nêu trên đều do vợ chồng ông Hoàng Văn Ch, bà Nguyễn Thị V đang quản lý); Được quyền sử dụng 69 chỉ vàng 4 số 9 của các cụ Q, Hg để lại hiện do bà Nguyễn Thị Nh đang quản lý; Được sử dụng số tiền 10.853.000đ là số tiền còn lại trong tổng số tiền 20.000.000đ ông Ch nợ của các cụ Q Hg mà ông Ch đã bàn giao cho bà Nh quản lý chi tiêu cho các cụ Q Hg.

Buộc vợ chồng ông Hoàng Văn Ch, bà Nguyễn Thị V phải giao lại hai thửa đất số 552 và 553, thuộc tờ bản đồ số 1A, xã Vh có diện tích mỗi thửa là 110m² cùng GCNQSDĐ của hai thửa đất trên và giao lại căn nhà hai tầng sát cổng chợ xã Vh và quán bán hàng trong chợ xã Vh cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc Đ, bà Trần Thị H; Buộc bà Nguyễn Thị Phong Nh phải trả cho vợ chồng ông bà Đ, H 69 chỉ vàng 4 số 9 và số tiền 10.853.000đ.

Vợ chồng ông bà Đ, H phải thanh toán cho vợ chồng ông bà Ch, V số tiền vợ chồng ông bà Ch V đã bỏ ra trả tiền mua đất là 240.000.000đ, thiệt hại do hợp đồng chuyển nhượng đất bị vô hiệu là 100.700.000đ và tiền công bảo quản di sản là

50.000.000đ. Tổng cộng số tiền ông bà Đ H phải thanh toán cho vợ chồng ông bà Ch V là 390.700.000đ.

Việc sử dụng căn nhà hai tầng và gian quán bán hàng của vợ chồng ông bà Đ H phải tuân theo quy định của luật đất đai và quy hoạch sử dụng đất của địa Ph.

Án phí dân sự sơ thẩm vợ chồng ông bà Ch, V và bà Nh không phải nộp. Vợ chồng ông bà Đ, H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 30.858.000đ được khấu trừ vào số tiền 25.770.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/3030 ngày 06/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Sơn, vợ chồng ông bà Đ H còn phải nộp tiếp số tiền án phí còn thiếu là 5.088.000đ.

Xử lý tiền thẩm định giá tài sản: Tổng số tiền chi phí thẩm định giá tài sản là 12.000.000đ ông bà Đ H đã nộp, nay vợ chồng ông bà Đ H được nhận toàn bộ di sản vì vậy phải chịu toàn bộ tiền chi phí thẩm định giá tài sản là 12.000.000đ (đã nộp xong).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án, nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thi hành án của các đương sự.

Ngày 21/11/2019 bà Nguyễn Thị V, ông Hoàng Văn Ch nộp đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 08/11/2019. Lý do: Không chấp nhận phán quyết của Tòa án buộc ông bà phải trả lại thửa đất 552, 553, căn nhà ở công chợ Vh, quán trong chợ và 20.000.000đ cho vợ chồng ông Đ vì: Hai thửa đất cụ Q đã cho phép bán và thực tế đã bán lấy tiền chi tiêu cho hai cụ; Quán trong chợ vợ chồng bà V bỏ tiền và công sức ra xây dựng, giữ gìn gần 40 năm; Căn nhà 2 tầng ở công chợ Vh tồn tại được đến bây giờ là do công sức của vợ chồng bà V; Khi lên nhà Đ H cụ Q đã giao cho bà V ở giữ gìn, bảo quản; 20.000.000đ nợ của cụ Q đã trả. Đề nghị Tòa án xử phúc thẩm xem xét giám định chữ ký của cụ Q, cụ Hg trong bản di chúc và chữ ký của người làm chứng và giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 21/11/2019 bà Nguyễn Thị Phong Nh nộp đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 08/11/2019. Lý do: Không chấp nhận phán quyết của Tòa án buộc bà phải trả cho vợ chồng ông Đ 69 chỉ vàng vì bà Nh đã trả đầy đủ; Ngày 18/4/2017 ông Đ đã cùng cụ Q và các chị em về nhà bà Nh ký giấy xác nhận hết nợ, cụ Q đã gạch sổ gốc. Đề nghị Tòa án xử phúc thẩm xem xét giám định chữ ký của bố mẹ tôi trong bản di chúc và chữ ký của người làm chứng.

Theo đơn đề nghị giám định của bà V, ông Ch, bà Nh, ngày 05/3/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình ra Quyết định trưng cầu giám định số 01/2020/QĐ-TCGD.

Tại Kết luận giám định số 20/KLGĐ-PC09-TL ngày 19/3/2020 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận:

1. Chữ ký dạng chữ viết mang tên Nguyễn Xuân Q tại vị trí số 2 cuối các Tr1 1, 2, 3 và dưới mục “Người làm đơn” Tr1 4 trên tài liệu ký hiệu A so với chữ viết, chữ ký dạng chữ viết Nguyễn Xuân Q trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 là do cùng một người ký, viết ra.

2. Chữ ký dạng chữ viết mang tên Vũ Thị Hg tại vị trí số 3 cuối các Tr1 1, 2, 3 và dưới mục “Người làm đơn” Tr1 4 trên tài liệu ký hiệu A so với chữ viết, chữ ký dạng chữ viết của Vũ Thị Hg trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M4 đến M7 là do cùng một người ký, viết ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn (ông Đ, bà H) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn (ông Ch, bà V) xác định các yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại phần của bản án sơ thẩm gồm: Buộc ông bà phải trả lại thửa đất 552, 553, căn nhà ở chợ Vh, quán trong chợ và 20.000.000đ cho vợ chồng ông Đ.

Bị đơn (bà Nh) xác định yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại phần của bản án sơ thẩm buộc bà phải trả 69 chỉ vàng cho vợ chồng ông Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn trình bày: Bản di chúc ngày 12/6/2018 của cụ Q và cụ Hg có nội dung và hình thức trái pháp luật, trái đạo đức xã hội, cụ thể: Về hình thức, tại thời điểm lập di chúc cụ Q đã 91 tuổi, đang bị ốm nặng nhưng bản di chúc không có công chứng, chứng thực là trái với quy định tại khoản 3 Điều 630 của Bộ luật dân sự.

Về nội dung bản di chúc đã định đoạt các tài sản khi không còn tồn tại: Năm 2014 cụ Q, cụ Hg đã ủy quyền các con gái bán đất, ông Ch bà V đã phải bỏ ra 240.000.000đ để lấy tiền chi tiêu chăm sóc hai cụ, số tiền tương Đ với hai xuất đất nên hai xuất đất là của vợ chồng bà V. Quán trong chợ thực tế diện tích chỉ có 17m² nhưng trong bản di chúc lại nêu diện tích 24m² nên đây không phải là quán bà V đang sử dụng mà là một quán khác và bút lục số 76 thể hiện năm 1993 bà Hg đã cho bà V quán để buôn bán. Nhà hai tầng không phải 100% của vợ chồng cụ Q mà có phần tài sản của vợ chồng bà V ở trong đó. Số tiền nợ 20.000.000đ ông Ch đã trả. Đối với 69 chỉ vàng bà Nh giữ hộ, bà Nh đã trả hết nợ, căn cứ chứng minh là sổ gốc của cụ Q đã gạch và ngày 18/4/2017 khi nhận lại vàng Tr1 sức đã xác nhận bà Nh đã trả hết nợ. Đề nghị không chấp nhận bản di chúc là hợp pháp.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, không yêu cầu tuyên bố hợp đồng CH6ên nhượng quyền sử dụng hai thửa đất vô hiệu nhưng bản án sơ thẩm lại tuyên bố hợp đồng vô hiệu, buộc ông Đ, bà H phải trả cho vợ chồng bà V 240.000.000đ, phải bồi thường thiệt hại 100.700.000đ và thanh toán công bảo quản di sản 50.000.000đ là xét xử vượt quá yêu cầu khởi kiện, thuộc trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Căn cứ các Điều 308, 310 của Bộ luật tố

tụng dân sự đề nghị hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị V, ông Hoàng Văn Ch, bà Nguyễn Thị Phong Nh; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà V, ông Ch được miễn án phí phúc thẩm; Bà Nh phải nộp án phí phúc thẩm 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Bà Nguyễn Thị V, ông Hoàng Văn Ch, bà Nguyễn Thị Phong Nh nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định và đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của người kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm Đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành, tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về nội dung giải quyết tranh chấp của bản án sơ thẩm và yêu cầu kháng cáo:

[3.1] Xét về di sản thừa kế: Theo Đơn xin lập di chúc ngày 12/6/2018 cụ Q và cụ Hg xác định là chủ sở hữu hợp pháp của các tài sản để lại cho vợ chồng ông Đ, bà H được hưởng sau khi hai cụ qua đời gồm có:

1. Nhà hai tầng kiên cố ở chợ Vh, địa chỉ xóm BC, xã Vh, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, diện tích đất 50m², phía Bắc giáp cổng chợ, phía Nam giáp anh Trọng, phía Tây giáp chợ, phía Đông giáp đường 481 (Có giấy chi nộp tiền số 41 ngày 08/11/1991 do Chủ tịch xã Vh, Lê Vinh ký)

2. Nhà bên trong chợ 24m², địa chỉ xã Vh, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, phía Bắc giáp chợ, phía Đông, Tây, Nam giáp anh Hoat (Nhà tái định cư ở bờ sông mua của cửa hàng mua bán xã, có chữ ký của ông Phạm Văn Chân ngày 20/11/1985).

3. Lô đất đường ngang Đông Hải, xã Vh, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình thửa số 552 tờ bản đồ 1a, diện tích 110m².

4. Lô đất đường ngang Đông Hải, xã Vh, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình thửa số 553 tờ bản đồ 1a, diện tích 110m².

5. Toàn bộ số vàng bán nhà cũ của Đ bán cho L và số vàng Tr1 sức và tiền mặt.

6. Con gái Nguyễn Thị Nh giữ hộ 69 chỉ vàng, giữ hộ cho bố ngày 20/4/2015.

7. Tiền mặt 20.000.000 đồng ông Hoàng Văn Ch vay ngày 10/10/2016.

8. Con gái Nguyễn Thị Ch vay 10 chỉ vàng cho cháu Thơm mở hàng và chị Ch chuyển nhà mới.

[3.1.1] Đối với ngôi nhà hai tầng ở cạnh chợ Vh, địa chỉ xóm BC, xã Vh, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình: Các đương sự đều thừa nhận năm 2010 cụ Q và cụ Hg bỏ tiền ra xây lại ngôi nhà. Trong quá trình hai cụ xây nhà, vợ chồng bà V đã giúp mua vật liệu, thuê thợ xây, trông coi công trình và được hai cụ cho (trả công) 10 chỉ vàng. Tại phiên tòa sơ thẩm bà V thừa nhận: “Căn nhà hai tầng là tài sản của bố mẹ tôi; việc sửa chữa xây dựng thêm và mua sắm các thiết bị sinh hoạt trong nhà như điều hòa, bếp từ, quạt trần ... được mua sắm từ tiền chi phí cho bố mẹ”. Sự thừa nhận của bà V và các Đ sự là sự kiện không phải chứng minh, đủ căn cứ xác định toàn bộ ngôi nhà hai tầng tại thời điểm lập di chúc thuộc quyền sở hữu của vợ chồng cụ Q. Không có căn cứ xác định vợ chồng cụ Q cho bà V ngôi nhà này.

[3.1.2] Nhà bên trong chợ Vh (Quán bán hàng), địa chỉ xã Vh, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, phía Bắc giáp chợ, phía Đông, Tây, Nam giáp anh Hoạt: Tuy diện tích ngôi nhà nêu trong di chúc (24m²) có khác với diện tích thực tế (17m²) nhưng vị trí ngôi nhà được mô tả trong di chúc hoàn toàn phù hợp với vị trí ngôi nhà bà V đang quản lý: “*Phía Bắc giáp chợ, phía Đông, Tây, Nam giáp anh Hoạt*”; Như vậy, ngôi nhà trong chợ Vh được nêu trong di chúc với ngôi nhà bà V đang quản lý là một.

Trên cơ sở lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H2, người làm chứng là bà Lê Thị Th2, ông Đậu Minh Đ1, anh Bùi Quang B có thể xác định: Nhà trong chợ Vh là của vợ chồng cụ Q. Vào khoảng năm 1995 – 1996 vợ chồng cụ Q bán lại quán cho chị H2 4 chỉ vàng, sau một thời gian sử dụng do chật chội nên chị H2 đã trả lại cho vợ chồng cụ Q. Năm 2006 ông Đ1 cùng anh em thợ xây được vợ chồng cụ Q thuê đập bỏ nhà cũ, xây mới khoảng 17m² lợp Prô xi măng, năm 2011 - 2013 cho anh B mượn để làm kho chứa hoa quả. Sự việc chị H2 trả lại quán và được cụ Q trả cho 6 chỉ vàng được bà V xác nhận tại Biên bản hòa giải ngày 12/8/2019, cũng tại biên bản hòa giải bà V còn nêu quan điểm: *Quán ở trong chợ bố mẹ đã cho tôi sau đó bán cho cháu H2 nhưng cháu H2 đã trả lại thì quán đó vẫn là của tôi vì nếu cháu H2 sử dụng thì hai cụ sẽ bù cho tôi chỗ khác*. Bà V xác nhận sự việc hai cụ bán nhà bên trong chợ cho chị H2 là đã thừa nhận ngôi

nhà này thuộc quyền sở hữu của hai cụ. Bà V không chứng minh được vợ chồng cụ Q cho bà V ngôi nhà sau khi chị H2 trả lại nên không có căn cứ xác định nhà trong chợ là của bà V tại thời điểm hai cụ lập di chúc.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm phía bị đơn có giao nộp giấy xác nhận của ông Vũ Văn Rinh, ông Vũ Văn Chạ, ông Lê Văn Mùi, ông Hoàng Văn Đào, bà Phạm Thị Duyên xác nhận năm 1986, 1988, 1990, 1997, 1998, 2003, 2014 những người này được vợ chồng bà V thuê xây, sửa nhà (quán bán hàng) trong chợ Vh. Xét về hình thức của giấy xác nhận đều là bản viết tay không có chứng thực chữ ký và là bản photo do đó không có giá trị pháp lý, nội dung của xác nhận mâu thuẫn với thừa nhận của bà V: *Quán ở trong chợ bố mẹ đã cho tôi sau đó bán cho cháu H2*, nội dung xác nhận không làm thay đổi bản chất sự việc nên không có giá trị chứng minh quán trong chợ thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bà V.

[3.1.3] Đối với thửa đất số 552 và thửa đất số 553, tờ bản đồ 1a, địa chỉ đường ngang Đông Hải, xã Vh, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 677120 và AI 677119 do UBND huyện Kim Sơn cấp ngày 23/8/2007 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thì hai thửa đất thuộc quyền sử dụng của vợ chồng cụ Q. Ngày 25/12/2014 cụ Q và cụ Hg ủy quyền cho 07 người con gái có quyền quyết định bán để lấy tiền nuôi dưỡng hai cụ. Một số chị em ở xa không có điều kiện tập chung nên thống nhất giao cho bà V toàn quyền rao bán.

Trên thực tế đến ngày hai cụ lập di chúc hai thửa đất vẫn chưa chuyển quyền cho ai. Giữa vợ chồng bà V và vợ chồng cụ Q không có thỏa thuận hay giao dịch gì về việc chuyển quyền sử dụng hai thửa đất cho vợ chồng bà V. Trong Bản tường trình ngày 19/8/2019 bà V, bà Nh, ông Ch cùng thừa nhận: *Do không có tiền chi tiêu cho bố mẹ nên bà V đã chạy tiền bỏ ra 240.000.000đ tương Đ với hai xuất đất lúc bấy giờ để giao cho bà Ph, bà Nh chi tiêu chăm sóc bố mẹ rồi gọi người bán đất sau.* Từ sự thừa nhận nêu trên có thể xác định bà V bỏ tiền ra không nhằm mục đích lấy (mua) đất mà là ứng ra để khi nào bán được đất sẽ nhận lại tiền. Việc bà V ứng tiền ra không nhằm mục đích lấy đất còn được chứng minh bằng lời khai của bà V tại phiên tòa phúc thẩm: *Năm 2018 bà V cùng hai người mua đất và cán bộ địa chính đưa hồ sơ lên cho các cụ ký thì ông Đ, bà H và con trai đe đánh và đuổi ra khỏi nhà không cho gặp các cụ để ký.*

Tại thời điểm lập di chúc cho đến nay hai thửa đất nêu trên vẫn mang tên cụ Q, chưa làm thủ tục chuyển quyền cho ai, do đó việc các cụ định đoạt hai thửa đất trong di chúc là hoàn toàn hợp pháp. Bản án sơ thẩm xác định bà V đã bỏ tiền ra để lấy hai thửa đất là không đúng với bản chất sự việc.

[3.1.4] Đối với 69 chỉ vàng (9999), do bà Nh giữ hộ ngày 20/4/2015: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nh thừa nhận ngày 20/4/2015 có ghi và ký nhận vào sổ của bố mẹ về việc bà Nh giữ hộ 69 chỉ vàng. Đây là sổ vàng bà Tr1 còn nợ hai cụ, ngày 20/4/2015 bà Nh có ký nhận giữ hộ bố mẹ 69 chỉ vàng, nhưng trên sổ sách (sổ cũ) xác nhận bà Tr1, bà Ph chi tiêu trước đó cho hai cụ hết 45 chỉ, sau khi quyết

toán bà Ph giao lại cho bà Nh 24 chỉ để quản lý và chi tiêu cho hai cụ. Lý do bà Nh chỉ nhận 24 chỉ mà lại ký nhận giữ hộ bố mẹ 69 chỉ là vì chị em gái với nhau nên bà Nh ký với mục đích để cho hai cụ vui lòng, vì hai cụ vẫn nói bà Tr1 cầm tiền - vàng tiêu hoang. Số vàng trên bà Nh đã chi tiêu hết, chứng cứ để bà Nh chứng minh là quyển sổ chi tiêu đã được chị em quyết toán, có giấy xác nhận hết nợ ngày 18/4/2017 và sổ do bà Nh ký nhận cũng đã được gạch.

Lời khai của bà Nh về việc chi tiêu trước 45 chỉ vàng tại phiên tòa có sự mâu thuẫn với những lời khai trước đó. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nh và bà Ph khai trong 69 chỉ vàng bà Nh giữ hộ, cụ Q đã chi tiêu 45 chỉ vào thời gian từ năm 2015 về trước, còn 24 chỉ bà Tr1, bà Ph bàn giao cho bà Nh chi tiêu. Sự mâu thuẫn thể hiện chính cụ Q đã chi tiêu trước đó 45 chỉ mà sau đó khi chốt nợ ngày 20/4/2015 cụ Q và bà Nh vẫn xác định bà Nh còn giữ hộ 69 chỉ, đây là điều vô lý và không phải sự thật.

Xem xét bút lục số 74 do ông Ch giao nộp có nội dung: *Ngày 18/4/2017 Thầy lấy nhận 3 chỉ, 01 dây + mặt 11 chỉ, 01 lắc vàng tây 1, 53 chỉ. Đã nhận đủ và hết nợ bố mẹ.* Bà Tr1, ông Đ, bà Ph, bà Th cùng ký, ngoài ra ông Đ còn ký vào chỗ *“Nguyễn Xuân Q lấy số vàng trên”*. Tại Biên bản đối chất ngày 11/10/2019 bà Nh xác định số vàng cụ Q lấy ngày 18/4/2017 là số vàng Tr1 sức của cụ Hg gửi bà Nh. Như vậy có thể xác định số vàng bà Nh trả ngày 18/4/2017 không phải là số vàng 69 chỉ mà bà Nh ký nhận ngày 20/4/2015. Ngoài ra trong văn bản giao trả vàng ngày 18/4/2017 không có chữ ký của cụ Q và cụ Hg nên không có căn cứ xác định bà Nh đã trả hết các khoản vàng giữ hộ các cụ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và trong Biên bản đối chất ngày 11/10/2019 bà L xác định: Số vàng 69 chỉ bà Nh ký nhận ngày 20/4/2015, gồm có 9 chỉ của cụ Hg và cộng thêm 60 chỉ do chốt sổ trước đó, sau khi chốt sổ xác định bà Nh nhận giữ hộ cho bố mẹ 69 chỉ (Bà Nh ghi số nợ mới và gạch số nợ cũ trong sổ). Lời khai của bà L phù hợp với nội dung: Tính đến ngày 10/01/2011 bà Nh còn nợ cụ Q và cụ Hg 60 chỉ vàng được ghi tại Tr1 2 cuốn sổ tay ghi nợ của cụ Q.

Với những tình tiết nêu trên, đủ căn cứ xác định bà Nh có giữ của cụ Q và cụ Hg 3 khoản vàng khác nhau, đó là:

Khoản thứ nhất: 24 chỉ vàng do bà Tr1 và bà Ph chuyển sang để bà Nh chi tiêu cho hai cụ, khoản vàng này đã được bà Nh, bà V, bà Ph, bà Tr1 cùng quyết toán và xác nhận đã chi tiêu hết trong sổ chi tiêu do bà Nh nộp.

Khoản thứ hai: 15,53 chỉ vàng các loại gồm: Nhẫn 3 chỉ, 01 dây + mặt 11 chỉ, 01 lắc vàng tây 1, 53 chỉ. Bà Nh đã trả cho cụ Q ngày 18/4/2017, ông Đ là người nhận có chữ ký xác nhận của bà Tr1, ông Đ, bà Ph, bà Th.

Khoản thứ ba: 69 chỉ vàng bà Nh ký nhận ngày 20/4/2015. Khoản vàng này theo như sự giải thích của bà Nh đã chi tiêu cho các cụ hết là không có căn cứ. Đối với ý kiến về việc gạch sổ, theo như di chúc và trình báo ngày 10/6/2018 của cụ Q

và cụ Hg thì các cụ không gach vào phần nợ của bà Nh, cho đến nay bà Nh chưa trả cho các cụ 69 chỉ vàng giữ hộ, đây là di sản thừa kế.

[3.1.5] Đối với khoản tiền 20.000.000 đồng ông Hoàng Văn Ch vay ngày 10/10/2016: Trên cơ sở lời khai của ông Ch, bà V, bà Nh, bà Tr1, bà Ph và các tài liệu do bị đơn giao nộp, xác định ông Ch đã trả 20.000.000 đồng vào ngày 21/3/2018 thông qua bà Ph và bà Tr1. Sau đó bà Ph và bà Tr1 chuyển số tiền này cho bà Nh để thanh toán cho bà Nh 9.147.000đ bà Nh đã bỏ ra chi phí cho hai cụ, còn lại 10.853.000đ. Bà Nh nhận khoản tiền này sau khi đã kết thúc việc theo dõi chi tiêu và không đưa ra được chứng cứ chứng minh đã chi tiêu số tiền còn lại nên bản án sơ thẩm xác định 10.853.000đ là di sản thừa kế là có căn cứ.

Trong số tài liệu ông Ch giao nộp ngày 13/02/2020 có “Bảng chi tiêu tiếp cho bố mẹ” thể hiện từ ngày 26/8/2018 đến ngày 26/3/2019 bà Nh chi 6.150.000đ cho hội quy, hội trống để đón bát hương của các cụ về thờ ở xã Vh. Ngoài bà V thì không có ai trong gia đình xác nhận nội dung này, vì vậy việc giải trình chi tiêu của bà Nh không có căn cứ để chấp nhận.

[3.1.6] Từ các chứng cứ nhận định ở trên, đủ căn cứ xác định tại thời điểm lập di chúc tài sản thuộc quyền sở hữu của cụ Q và cụ Hg do vợ chồng bà V quản lý gồm có: Căn nhà hai tầng ở chợ Vh; Nhà (Quán bán hàng) trong chợ Vh; Thửa đất số 552, thửa đất số 553 thuộc tờ bản đồ 1a xã Vh, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Bà Nh quản lý 69 chỉ vàng (9999) và 10.853.000đ.

[3.2] Xét về nội dung, hình thức của bản di chúc: Căn cứ Kết luận giám định số 20/KLGD-PC09-TL ngày 19/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình và lời khai của người làm chứng là anh H6 và chị Th1 đủ căn cứ kết luận, chữ ký trong “Đơn xin lập di chúc” ngày 12/6/2018 là chữ ký của cụ Q, cụ Hg và chữ ký của hai người làm chứng là anh H6, chị Th1. Không có căn cứ xác định cụ Q và cụ Hg lập di chúc trong tình trạng không minh mẫn, sáng suốt hoặc bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép phải lập di chúc. Cụ Q và cụ Hg đều biết chữ, tại thời điểm lập di chúc mặc dù tuổi đã cao, sức khỏe có thể đã yếu nhưng pháp luật không cấm người cao tuổi lập di chúc; cũng không có căn cứ chứng minh khi lập di chúc hai cụ bị hạn chế về thể chất, do đó bản di chúc không vi phạm khoản 3 Điều 630 của Bộ luật dân sự như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn nhận định.

Hội đồng xét xử xét thấy “Đơn xin lập di chúc” ngày 12/6/2018 của cụ Nguyễn Xuân Q và cụ Vũ Thị Hg là di chúc bằng văn bản có hai người làm chứng, nội dung, hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 624, 625, 626, 627, 628, 631, 632, 634 của Bộ luật dân sự nên là di chúc hợp pháp, có hiệu lực. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ Q cụ Hg và buộc các bị đơn phải giao trả lại di sản thừa kế cho nguyên đơn là có căn cứ.

Tranh chấp về thừa kế tài sản là một quan hệ pháp luật có nội hàm rộng, bao gồm cả các quan hệ tranh chấp phái sinh, trong đó có nhiều quan hệ được quy định

tại Điều 658 của Bộ luật dân sự. Để xác định người thừa kế được hưởng bao nhiêu giá trị di sản do người chết để lại thì trước đó phải xem xét, thanh toán các nghĩa vụ tài sản và các khoản chi phí liên quan đến di sản thừa kế. Việc vợ chồng bà V đã ứng ra 240.000.000đ để chi phí chăm sóc cụ Q và cụ Hg, tuy không được bên nguyên đơn chấp nhận nhưng sự việc này đã được bà Nh, bà Ph, bà Tr1 thừa nhận và đã quyết toán trong cuốn sổ chi tiêu do bà Nh ghi chép. Bà V ứng tiền ra để chi phí cho bố mẹ nhưng chưa được thanh toán, sau khi hai cụ chết vợ chồng bà V là người trông coi, bảo quản di sản thừa kế, vì vậy bản án sơ thẩm buộc ông Đ, bà H phải thanh toán 50.000.000đ tiền công trông coi, bảo quản di sản và thanh toán cho vợ chồng bà V 240.000.000đ là phù hợp với quy định tại Điều 658 của Bộ luật dân sự, phù hợp với Án lệ số 05/2016/AL. Trong vụ án này cần phải xác định yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn bao gồm cả yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng phạm vi yêu cầu khởi kiện.

Tuy nhiên, bản án sơ thẩm nhận định về lý do buộc ông Đ, bà H phải thanh toán cho vợ chồng bà V 240.000.000đ tiền do hợp đồng chuyển nhượng đất vô hiệu là không đúng với bản chất sự việc, nhưng đã bảo đảm quyền và lợi ích cho đương sự, giải quyết triệt để yêu cầu của đương sự, không trái pháp luật nên không thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn buộc vợ chồng ông Đ phải thanh toán cho vợ chồng bà V 100.700.000đ tiền thiệt hại do chênh lệch giá đất là không đúng pháp luật nhưng đã bảo đảm được quyền lợi của vợ chồng bà V. Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị về phần này, theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự cấp phúc thẩm không có thẩm quyền xem xét giải quyết.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà V, ông Ch, bà Nh cũng như đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn.

Những phần bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Đối với các tài sản khác được nêu trong “Đơn xin lập di chúc” ngày 12/6/2018 không có ai yêu cầu, theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự “*Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự*” nên Tòa án không xem xét, giải quyết đối với các tài sản này.

[4] Về án phí dân phúc thẩm, chi phí tố tụng khác: Bà V, ông Ch là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm. Bà Nh phải nộp án phí phúc thẩm, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Bà V, ông Ch, bà Nh cùng phải chịu 3.100.000đ tiền chi phí giám định (đã nộp đủ và thanh toán xong).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 147, 148, 157, 161, 165, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, 468, 609, 615, 617, 618, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 631, 632, 634, 643, 658, 659, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 5, 98, 99, 106, 166, 167 của Luật đất đai 2013;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm và chi phí tố tụng khác:

- Bà V, ông Ch được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Nh phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0003168 ngày 21/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Sơn (Bà Nh đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm).

- Bà V, ông Ch, bà Nh cùng phải chịu 3.100.000 đồng tiền chi phí giám định (đã nộp đủ và thanh toán xong).

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (28/5/2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDCC tại Hà Nội;
- TAND huyện Kim Sơn;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- CCTHADS huyện Kim Sơn;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tử Lượng

